

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TS  
TỈNH BN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập Tự do Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2021/HNGĐ- ST  
Ngày 29 tháng 4 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TS, TỈNH BN**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Đức Hùng; ông Nguyễn Văn An
- *Thư ký phiên toà:* Bà Đàm Thu Hương - Thư ký TAND thị xã TS, tỉnh BN.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TS, tỉnh BN* tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2021 tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã TS tỉnh BN mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 86/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11A/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/4/2021 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Kim Thị N, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn Đức Hỷ, xã CH, huyện CG, tỉnh HD( Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT : Xóm Chi, phường Tam Sơn, thị xã TS, tỉnh BN ( Vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án nguyên đơn là chị Kim Thị Ninh trình bày:*

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 04/5/2018 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Sơn, thị xã TS, tỉnh BN. Sau khi kết hôn vợ chồng chị thuê nhà bên Hà Nội sống được khoảng 2 tháng thì anh, chị chuyển về nhà bố mẹ anh T ở xóm Chi, Tam Sơn, thị xã TS được khoảng nửa tháng thì lại chuyển về nhà bố mẹ chị ở Đức Hỷ, CG, tỉnh HD sống được khoảng 1 tháng thì anh T về nhà anh T không sống cùng chị ở nhà bố mẹ chị. Từ khi kết hôn đến nay chị và anh T chỉ sống chung với nhau khoảng 3 tháng, sau đó ly thân từ tháng 9/2018. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau dẫn đến xảy ra mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến gia

đình, không biết do làm ăn hay do chơi bời mà anh T nợ nần rất nhiều. Trong thời gian sống ly thân giữa chị và anh T chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, thời điểm đó chị đang mang bầu được 2 tháng, mỗi lần anh T gọi điện hay nhắn tin luôn có lời lẽ xúc phạm chị nên chị chặn số điện thoại của anh T và không liên lạc với anh T nữa. Đến khi chị sinh con thì anh T có về thăm con 1 lần cho đến nay cháu được 2 tuổi. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, không hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau 01 con chung là Kim Quỳnh C, sinh ngày 21/3/2019, hiện chị đang nuôi con chung. Ly hôn chị Ninh đề nghị Tòa án giao cháu Kim Quỳnh C cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về đóng góp phí tổn nuôi con, chị N không yêu cầu anh T phải đóng góp.

Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 26/3/2021 và ngày 01/4/2021; triệu tập tham gia phiên tòa ngày 23/4/2021 và 29/4/2021 nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ninh.

Cũng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TS đánh giá việc chấp hành và thực hiện các quy định pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành, thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là nghiêm chỉnh, của bị đơn là anh Nguyễn Văn T chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 143, 144, 146, 147, 203, 220, 267, 271, 273 BLTTDS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị N : Xử cho chị Ninh được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Kim Quỳnh C, sinh ngày 21/3/2019 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên

gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng: Do chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không có

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trên cơ sở đối chiếu quy định về thẩm quyền xét xử của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã TS thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ. Quá trình giải quyết anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Kim Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Kim Thị N và anh Nguyễn Văn T là đúng quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 04/5/2018, việc kết hôn là tự nguyện, tuân thủ đầy đủ điều kiện kết hôn, được UBND xã Tam Sơn, thị xã TS, tỉnh BN làm thủ tục kết hôn và chứng nhận đăng ký kết hôn. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ninh và anh T là hợp pháp, nếu một trong các bên có yêu cầu ly hôn thì Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét đời sống tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thấy: Trong thời kỳ hôn nhân đời sống tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không hạnh phúc, chị N và anh T đăng ký kết hôn được hơn 3 năm nhưng chỉ thực sự chung sống cùng nhau được vài tháng, thời gian còn lại là ly thân mỗi người sống một nơi không quan hệ với nhau nữa. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T không đến và không có ý kiến gì. Phía gia đình anh T cũng xác định giữa anh T và chị N trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, cả hai không đi lại, quan hệ gì với gia đình hai bên nữa. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có với nhau 01 con chung là cháu Kim Quỳnh C, sinh ngày 21/3/2019. Quá trình giải quyết vụ án chị N đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Kim Quỳnh C từ khi sinh ra cho đến nay do chị Ninh nuôi dưỡng, chăm sóc, hơn nữa cháu C còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, cần chấp

nhận yêu cầu của chị N giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Ninh không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Không có

[5] Về án phí: Chị Kim Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 228, 235, 264, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị N

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Kim Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

*Về con chung:* Giao cháu Kim Quỳnh C, sinh ngày 21/3/2019 cho chị Kim Thị Ninh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức:* Không có

2. *Về án phí:* Chị Kim Thị N phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2019/0003871 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TS, tỉnh BN.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND thị xã TS;
- THADS thị xã TS;
- Các đương sự;
- UBND phường TS
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

